

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14-02-2023

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tư.

Ông Huỳnh Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị T - Sinh năm 1983 - Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện G, tỉnh T. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28-11-2022).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh C - Sinh năm 1984 - Địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 01-02-2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 29-9-2022, 22-12-2022, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị T trình bày: bà T và ông Nguyễn Thanh C chung sống với nhau năm 2010, đăng ký kết hôn ngày 27-4-2010 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên gây cãi nhau nên bà T đi Nhật từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 8 năm 2022 thì về nước. Sau

khi về Việt Nam, bà T về nhà cha mẹ ruột sống, ông C sống ở Long An, không bàn bạc với nhau về việc đoàn tụ. Về hôn nhân: bà T yêu cầu ly hôn với ông C. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thành C1 (sinh ngày 11-12-2011). Hiện con chung do bà T nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu con chung theo ai người đó nuôi, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 01-02-2023, bị đơn là ông Nguyễn Thanh C khai thống nhất với bà T về điều kiện kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, không có nợ chung. Về hôn nhân: ông C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Về con chung: ông C đồng ý để bà T trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thành C1, ông C không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, thời gian chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: mâu thuẫn giữa bà T và ông C đã trầm trọng, không có cơ hội đoàn tụ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Bà Huỳnh Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thanh C. Ông C cư trú tại huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bà T và ông C đều có đơn xin không hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt nên đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà T: bà T và ông C xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 27-4-2010 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C là hôn nhân hợp pháp theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Bà T và ông C đều cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên gây cãi nhau. Sau khi Tòa án thụ lý thì đều không tham gia hòa giải. Bà T yêu cầu ly hôn, ông C đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa bà T và ông C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: con chung tên Nguyễn Thành C1 (sinh ngày 11-12-2011), hiện đang sống với bà T và thể hiện nguyện vọng muốn sống với bà T. Bà T yêu cầu con chung theo ai người đó nuôi, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông C thì yêu cầu để bà T trực tiếp nuôi con chung, ông C không cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung nên giao cho bà T trực tiếp nuôi con chung, ghi nhận tạm thời việc ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung: Bà T và ông C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Bà T và ông C đều cho rằng không có nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét giải quyết.

[7]. Với những nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp. Ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T đối với ông Nguyễn Thanh C về việc “ly hôn”;

Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh C.

Về nuôi con chung: Bà Huỳnh Thị T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thành C1 (sinh ngày 11-12-2011). Hiện Nguyễn Thành C1 đang sống với bà T. Ghi nhận tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, bà T và ông C được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp theo biên lai thu số 0005482 ngày 22-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (*ghi số hộ tịch*)
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên